



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa Số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 01 tháng 3 năm 2004.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp** Số 0101463614 ngày 16 tháng 8 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
	Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
	Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Ngô Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Tầng 18&19, số 229 Phố Tây Sơn
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Số liệu so sánh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc tới Thuyết minh 35 của báo cáo tài chính hợp nhất đề cập tới việc số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại.

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 35 của báo cáo tài chính hợp nhất, được căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính đó đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 3 năm 2016. Những điều chỉnh đối với số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh 35 của báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Kiểm toán Nhà nước.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-125-HN




Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2017



Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 - DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		2.556.268.617.270	3.385.213.138.479
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	605.917.594.464	1.335.175.091.627
Tiền	111		183.867.799.464	290.467.888.098
Các khoản tương đương tiền	112		422.049.795.000	1.044.707.203.529
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.191.169.714.476	1.086.675.843.180
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.196.762.078.199	1.171.689.965.080
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		164.813.568.320	98.652.750.640
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	18.725.232.997	17.857.648.373
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(189.342.525.522)	(201.883.388.127)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		211.360.482	358.867.214
Hàng tồn kho	140	9	733.380.600.929	925.723.382.088
Hàng tồn kho	141		733.380.600.929	941.349.379.326
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(15.625.997.238)
Tài sản ngắn hạn khác	150		25.800.707.401	37.638.821.584
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.152.230.799	6.466.487.321
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.208.976.765	30.338.466.026
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15	3.439.499.837	833.868.237

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		814.708.236.499	786.341.121.639
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.825.000.000	319.527.155
Phải thu dài hạn khác	216		3.825.000.000	319.527.155
Tài sản cố định	220		499.883.548.672	438.339.568.713
Tài sản cố định hữu hình	221	10	497.203.650.120	436.585.446.658
<i>Nguyên giá</i>	222		956.784.666.451	802.736.090.037
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(459.581.016.331)	(366.150.643.379)
Tài sản cố định vô hình	227		2.679.898.552	1.754.122.055
<i>Nguyên giá</i>	228		7.265.535.312	5.729.884.398
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.585.636.760)	(3.975.762.343)
Tài sản dở dang dài hạn	240		80.639.517.992	181.756.099.118
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	80.639.517.992	181.756.099.118
Đầu tư tài chính dài hạn	250		67.080.380.386	61.047.511.083
Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	67.080.380.386	61.047.511.083
Tài sản dài hạn khác	260		163.279.789.449	104.878.415.570
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	163.279.789.449	104.878.415.570
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.370.976.853.769	4.171.554.260.118

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.019.622.154.131	3.008.016.323.587
Nợ ngắn hạn	310		1.978.198.065.264	2.980.266.323.587
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	581.884.329.777	329.794.024.371
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		39.272.546.209	14.876.363.118
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	20.528.544.581	44.177.686.124
Phải trả người lao động	314		48.368.119.724	59.039.779.773
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	11.551.069.588	12.243.564.796
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	17.576.276.698	12.068.200.086
Vay ngắn hạn	320	18	1.255.895.802.688	2.510.796.298.264
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	3.121.375.999	(2.729.592.945)
Vay và nợ dài hạn	330		41.424.088.867	27.750.000.000
Vay dài hạn	338	18	41.424.088.867	27.750.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.351.354.699.638	1.163.537.936.531
Vốn chủ sở hữu	410	20	1.351.354.699.638	1.163.537.936.531
Vốn cổ phần	411	21	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	21	(12.730.000)	(12.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	298.985.382.014	232.943.693.904
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	219.902.802.933	98.127.727.936
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.079.299.599	(485.815.578)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		204.823.503.334	98.613.543.514
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.370.976.853.769	4.171.554.260.118

Ngày 23 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng	01	24	4.804.729.340.377	6.916.021.226.558
Giá vốn hàng bán	11	25	4.002.777.581.722	5.637.012.849.355
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		801.951.758.655	1.279.008.377.203
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	30.451.799.413	41.383.458.221
Chi phí tài chính	22	27	77.350.158.678	160.389.680.861
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>50.240.922.679</i>	<i>50.298.254.668</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		10.546.573.303	1.778.495.569
Chi phí bán hàng	25	28	409.255.277.405	575.955.507.211
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	106.986.032.605	146.626.372.108
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		249.358.662.683	439.198.770.813
Thu nhập khác	31		10.627.949.154	12.802.221.703
Chi phí khác	32		3.333.673.675	8.072.571.396
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		7.294.275.479	4.729.650.307
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		256.652.938.162	443.928.421.120
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	51.829.434.828	102.922.179.606
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		204.823.503.334	341.006.241.514
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ	61		204.823.503.334	341.006.241.514
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.535	4.221

Ngày 23 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	256.652.938.162	443.928.421.120
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	102.259.726.074	79.152.127.120
Các khoản dự phòng	03	(3.998.448.562)	51.807.245.599
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	14.093.129.891	1.159.119.493
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(31.434.073.200)	(28.390.070.961)
Chi phí lãi vay	06	50.240.922.679	50.298.254.668
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	387.814.195.044	597.955.097.039
Biến động các khoản phải thu	09	(104.600.142.224)	(121.642.472.904)
Biến động hàng tồn kho	10	207.968.778.397	77.354.303.145
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	289.031.880.856	(726.700.721.199)
Biến động chi phí trả trước	12	(11.133.828.789)	35.204.738.239
Tiền lãi vay đã trả	14	(46.966.833.812)	(50.298.254.668)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(81.799.580.034)	(87.955.958.259)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.155.762.018)	(9.518.389.687)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	629.158.707.420	(285.601.658.294)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(129.790.499.609)	(232.287.475.880)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.443.060.453	577.399.130
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	4.513.704.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cô tức và lợi nhuận được chia	27	20.104.376.371	27.334.277.771
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(103.729.358.785)	(204.375.798.979)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	3.276.065.976.789	6.536.399.465.818
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.528.643.719.917)	(5.147.997.116.633)
Tiền trả cổ tức	36	(2.123.859.050)	(450.399.294.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.254.701.602.178)	938.003.054.635
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(729.272.253.543)	448.025.597.362
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.335.175.091.627	887.093.486.873
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	14.756.380	56.007.392
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	605.917.594.464	1.335.175.091.627

Ngày 23 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:

Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởngNguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng công ty có 2 công ty con (01/01/2016: 2 công ty con) như sau:

			31/12/2016 và 01/01/2016
	Hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất	Hà Nội	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng công ty có 1 công ty liên kết (01/01/2016: 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 12.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng công ty và các công ty con có 717 nhân viên (01/01/2016: 713 nhân viên), trong đó tại Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP có 350 nhân viên (01/01/2016: 345 nhân viên), Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex có 260 nhân viên (01/01/2016: 261 nhân viên) và Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex có 107 nhân viên (01/01/2016: 107 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tổng công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Từ năm 2016	Trước năm 2016
▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm	5 - 35 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 - 15 năm	3 - 10 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 17 năm	6 - 17 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 - 8 năm	3 - 8 năm

Trong năm 2016, Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex, một công ty con của Tổng công ty, đã điều chỉnh thời gian khấu hao của các tài sản cố định hữu hình nhằm phản ánh chi phí khấu hao phù hợp hơn với điều kiện kỹ thuật của tài sản. Việc thay đổi thời gian khấu hao này được coi là một thay đổi ước tính kế toán và được áp dụng phi hồi tố từ năm 2016. Nếu áp dụng thời gian sử dụng hữu ích như năm 2015, chi phí khấu hao trong năm 2016 sẽ tăng thêm 16.468 triệu VND.

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đầu tư sàn văn phòng

Chi phí đầu tư sàn văn phòng là chi phí trả trước việc mua văn phòng tại tầng 18 và tầng 19 tòa nhà Mipeco, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ 43 đến 46 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Tổng công ty và các công ty con chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ("Tập đoàn") và các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn.

4. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn.
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng nhựa đường.
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất có nguồn gốc từ dầu mỏ.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.624.529.525.227	1.337.617.552.028	1.842.582.263.122	-	4.804.729.340.377
Doanh thu giữa các bộ phận	6.844.594.971	-	-	(6.844.594.971)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.631.374.120.198	1.337.617.552.028	1.842.582.263.122	(6.844.594.971)	4.804.729.340.377
Giá vốn hàng bán	1.152.882.953.820	1.137.940.427.367	1.718.798.795.506	(6.844.594.971)	4.002.777.581.722
Chi phí bán hàng	201.284.271.372	137.434.518.672	70.536.487.361	-	409.255.277.405
Chi phí quản lý doanh nghiệp	48.265.218.401	46.931.325.136	11.789.489.068	-	106.986.032.605
Kết quả kinh doanh của bộ phận	228.941.676.605	15.311.280.853	41.457.491.187	-	285.710.448.645
Doanh thu hoạt động tài chính	22.960.515.286	20.775.038.945	5.673.478.601	(18.957.233.419)	30.451.799.413
Chi phí tài chính	(3.230.547.237)	33.876.352.566	39.187.333.740	7.517.019.609	77.350.158.678
Phần lãi trong công ty liên kết	-	-	-	10.546.573.303	10.546.573.303
Thu nhập khác	3.557.636.198	6.933.667.704	136.645.252	-	10.627.949.154
Chi phí khác	3.303.515.529	25.150.206	5.007.940	-	3.333.673.675
Kết quả từ các hoạt động khác	26.445.183.192	(6.192.796.123)	(33.382.217.827)	(15.927.679.725)	(29.057.510.483)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	255.386.859.797	9.118.484.730	8.075.273.360	(15.927.679.725)	256.652.938.162
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.093.468.181	2.119.911.974	1.616.054.673	-	51.829.434.828
Lợi nhuận thuần sau thuế	207.293.391.616	6.998.572.756	6.459.218.687	(15.927.679.725)	204.823.503.334

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

	Dầu mỡ nhờn VND Đã điều chỉnh lại	Nhựa đường VND Đã điều chỉnh lại	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.875.758.964.343	3.636.902.833.679	1.403.359.428.536	-	6.916.021.226.558
Doanh thu giữa các bộ phận	9.895.316.552	-	-	(9.895.316.552)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.885.654.280.895	3.636.902.833.679	1.403.359.428.536	(9.895.316.552)	6.916.021.226.558
Giá vốn hàng bán	1.384.094.353.006	2.955.433.360.877	1.307.380.452.024	(9.895.316.552)	5.637.012.849.355
Chi phí bán hàng	223.477.517.369	295.868.089.428	56.609.900.414	-	575.955.507.211
Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.784.892.696	89.769.593.972	9.071.885.440	-	146.626.372.108
Kết quả kinh doanh của bộ phận	230.297.517.824	295.831.789.402	30.297.190.658	-	556.426.497.884
Doanh thu hoạt động tài chính	182.412.589.968	29.019.743.193	5.862.896.882	(175.911.771.822)	41.383.458.221
Chi phí tài chính	16.085.661.715	106.858.370.908	35.667.152.669	1.778.495.569	160.389.680.861
Phần lãi trong công ty liên kết	-	-	-	1.778.495.569	1.778.495.569
Thu nhập khác	12.242.798.110	431.250.396	128.173.197	-	12.802.221.703
Chi phí khác	7.739.413.372	67.698.516	265.459.508	-	8.072.571.396
Kết quả từ các hoạt động khác	170.830.312.991	(77.475.075.835)	(29.941.542.098)	(175.911.771.822)	(112.498.076.764)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	401.127.830.815	218.356.713.567	355.648.560	(175.911.771.822)	443.928.421.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.790.286.494	52.053.650.429	78.242.683	-	102.922.179.606
Lợi nhuận thuần sau thuế	350.337.544.321	166.303.063.138	277.405.877	(175.911.771.822)	341.006.241.514

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.712.417.389	415.958.497.547	144.246.679.528	-	605.917.594.464
Các khoản phải thu ngắn hạn	194.647.446.673	368.469.534.268	644.527.540.733	(16.474.807.198)	1.191.169.714.476
Hàng tồn kho	430.815.821.850	96.107.928.378	206.456.850.701	-	733.380.600.929
Tài sản ngắn hạn khác	5.465.573.216	9.287.528.975	11.047.605.210	-	25.800.707.401
Các khoản phải thu dài hạn	-	3.825.000.000	-	-	3.825.000.000
Tài sản cố định	179.456.443.692	208.300.422.568	112.126.682.412	-	499.883.548.672
Tài sản dở dang dài hạn	43.618.500.559	29.342.413.333	7.678.604.100	-	80.639.517.992
Đầu tư tài chính dài hạn	576.000.000.000	-	-	(508.919.619.614)	67.080.380.386
Tài sản dài hạn khác	62.539.480.015	27.266.344.091	73.473.965.343	-	163.279.789.449
Tổng tài sản	1.538.255.683.394	1.158.557.669.160	1.199.557.928.027	(525.394.426.812)	3.370.976.853.769
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	212.873.980.551	810.909.323.921	970.889.567.990	(16.474.807.198)	1.978.198.065.264
Nợ dài hạn	-	-	41.424.088.867	-	41.424.088.867
Vốn chủ sở hữu	1.325.381.702.843	347.648.345.239	187.244.271.170	(508.919.619.614)	1.351.354.699.638
Tổng nguồn vốn	1.538.255.683.394	1.158.557.669.160	1.199.557.928.027	(525.394.426.812)	3.370.976.853.769
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Chi tiêu vốn	61.675.123.930	50.702.875.791	17.412.499.888	-	129.790.499.609
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	63.823.847.614	24.529.177.261	11.343.437.193	-	99.696.462.068
Khấu hao tài sản cố định vô hình	418.305.421	191.559.996	-	-	609.865.417

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2016**

	Dầu mỡ nhờn VND Đã điều chỉnh lại	Nhựa đường VND Đã điều chỉnh lại	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.375.554.704	1.149.001.804.211	138.797.732.712	-	1.335.175.091.627
Các khoản phải thu ngắn hạn	168.270.626.933	484.114.545.690	451.156.043.197	(16.865.372.640)	1.086.675.843.180
Hàng tồn kho	425.589.505.057	246.468.253.001	253.665.624.030	-	925.723.382.088
Tài sản ngắn hạn khác	3.491.711.216	18.193.821.485	15.953.288.883	-	37.638.821.584
Các khoản phải thu dài hạn	-	319.527.155	-	-	319.527.155
Tài sản cố định	110.098.749.109	214.186.802.565	114.054.017.039	-	438.339.568.713
Tài sản dở dang dài hạn	115.543.233.247	14.626.123.748	51.586.742.123	-	181.756.099.118
Đầu tư tài chính dài hạn	461.047.511.083	-	-	(400.000.000.000)	61.047.511.083
Tài sản dài hạn khác	60.257.462.053	22.609.524.020	22.011.429.497	-	104.878.415.570
Tổng tài sản	1.391.674.353.402	2.149.520.401.875	1.047.224.877.481	(416.865.372.640)	4.171.554.260.118
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	299.378.552.510	1.838.229.867.246	859.523.276.471	(16.865.372.640)	2.980.266.323.587
Nợ dài hạn	-	-	27.750.000.000	-	27.750.000.000
Vốn chủ sở hữu	1.092.295.800.892	311.290.534.629	159.951.601.010	(400.000.000.000)	1.163.537.936.531
Tổng nguồn vốn	1.391.674.353.402	2.149.520.401.875	1.047.224.877.481	(416.865.372.640)	4.171.554.260.118
Chi tiêu vốn và khấu hao cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015					
Chi tiêu vốn	68.805.831.364	103.135.071.929	60.346.572.587	-	232.287.475.880
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	29.351.250.335	38.216.790.847	10.133.821.090	-	77.701.862.272
Khấu hao tài sản cố định vô hình	1.258.704.852	191.559.996	-	-	1.450.264.848

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	2.874.871.359	3.188.213.821
Tiền gửi ngân hàng	180.992.928.105	283.749.264.411
Tiền đang chuyển	-	3.530.409.866
Các khoản tương đương tiền	422.049.795.000	1.044.707.203.529
	<hr/> 605.917.594.464	<hr/> 1.335.175.091.627

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các công ty liên quan		
▪ Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex	74.570.633.049	46.121.015.459
Các bên thứ ba		
▪ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Gia Anh	69.301.268.313	151.438.315.010
▪ Công ty TNHH Hóa chất Việt Linh	68.731.244.395	-
▪ Công ty TNHH TM&SX Việt Quang Phát	66.305.725.867	-
▪ Công ty TNHH TMDV Nam Song Anh	61.096.651.021	75.609.601.191
▪ Công ty TNHH Hóa chất Thái Bình Dương	47.677.913.542	46.765.150.763
▪ Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	41.468.975.598	3.224.556.044
▪ Công ty TNHH Shin Kwang Global Việt Nam	38.135.426.300	38.135.426.300
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông Phương Thành	-	21.547.487.890
▪ Tổng công ty Đầu tư xây dựng Hoàng Long	-	22.770.186.182
▪ Các khách hàng khác	729.474.240.114	766.078.226.241
	<hr/> 1.196.762.078.199	<hr/> 1.171.689.965.080

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	9.898.771.003	8.859.935.998
Lãi tiền gửi dự thu	858.772.221	2.049.602.062
Phải thu về cổ tức	1.054.536.042	523.512.042
Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	51.100.110	353.600.000
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	2.662.958.910	1.758.110.956
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.199.094.711	4.312.887.315
	<hr/>	
	18.725.232.997	17.857.648.373
	<hr/>	

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

31/12/2016	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể
	VND	VND	thu hồi
			VND
Nợ quá hạn			
▪ Dưới 6 tháng	295.368.510.175	-	295.368.510.175
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	14.210.103.271	(1.327.064.269)	12.883.039.002
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	42.547.045.903	(15.636.293.828)	26.910.752.075
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	77.237.056.309	(46.797.425.313)	30.439.630.996
▪ Từ 3 năm trở lên	135.829.469.324	(125.581.742.112)	10.247.727.212
	<hr/>		
	565.192.184.982	(189.342.525.522)	375.849.659.460
	<hr/>		

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (189.342.525.522)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

01/01/2016	Giá gốc VND	Dự phòng VND Đã điều chỉnh lại	Giá trị có thể thu hồi VND Đã điều chỉnh lại
Nợ quá hạn			
▪ Dưới 6 tháng	448.721.068.321	-	448.721.068.321
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	12.227.375.991	(3.080.989.317)	9.146.386.674
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	103.314.989.993	(40.029.486.016)	63.285.503.977
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	21.007.633.435	(12.807.955.349)	8.199.678.086
▪ Từ 3 năm trở lên	148.404.785.677	(145.964.957.445)	2.439.828.232
	733.675.853.417	(201.883.388.127)	531.792.465.290

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn	(201.883.388.127)
--------------------------------------	-------------------

9. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND Đã điều chỉnh lại	Dự phòng VND Đã điều chỉnh lại
Hàng mua đang đi trên đường	38.983.444.448	-	131.415.058.108	-
Nguyên vật liệu	319.672.588.128	-	246.947.627.407	-
Công cụ và dụng cụ	11.663.314.283	-	10.544.488.127	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.915.504.901	-	22.440.744.956	-
Thành phẩm	209.801.299.237	-	280.189.835.299	(2.146.303.534)
Hàng hóa	129.344.449.932	-	249.811.625.429	(13.479.693.704)
	733.380.600.929	-	941.349.379.326	(15.625.997.238)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh lại)	397.299.798.499	238.293.034.660	148.652.993.919	18.490.262.959	802.736.090.037
<i>Số dư đầu năm</i>					
- Theo báo cáo trước đây	389.936.115.128	238.293.034.660	148.652.993.919	18.490.262.959	795.372.406.666
- Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 34)	7.363.683.371	-	-	-	7.363.683.371
Tăng do mua sắm mới	421.399.000	18.281.000.930	1.285.500.001	538.515.455	20.526.415.386
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	91.096.493.539	42.622.097.697	5.004.991.169	1.064.667.739	139.788.250.144
Thanh lý	-	(1.586.500.201)	(4.679.588.915)	-	(6.266.089.116)
Số dư cuối năm	488.817.691.038	297.609.633.086	150.263.896.174	20.093.446.153	956.784.666.451
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	155.386.441.202	109.743.528.564	87.939.656.208	13.081.017.405	366.150.643.379
Khấu hao trong năm	36.256.617.865	46.273.903.830	14.284.348.802	2.881.591.571	99.696.462.068
Thanh lý	-	(1.586.500.201)	(4.679.588.915)	-	(6.266.089.116)
Số dư cuối năm	191.643.059.067	154.430.932.193	97.544.416.095	15.962.608.976	459.581.016.331
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại	241.913.357.297	128.549.506.096	60.713.337.711	5.409.245.554	436.585.446.658
Số dư cuối năm	297.174.631.971	143.178.700.893	52.719.480.079	4.130.837.177	497.203.650.120

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 192.840 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (01/01/2016: 135.508 triệu VND). Trong năm 2016, một số tài sản cố định hữu hình đã được thay đổi thời gian khấu hao (Thuyết minh (f)(ii)).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	181.756.099.118	121.878.611.215
Tăng trong năm	90.231.977.656	186.371.123.115
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(139.788.250.144)	(126.493.635.212)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(49.562.451.450)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.535.650.914)	-
Giảm khác	(462.206.274)	-
Số dư cuối năm	80.639.517.992	181.756.099.118

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP		
Mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	13.121.874.398	63.686.924.701
Xây dựng Nhà máy dầu nhờn Đình Vũ	11.292.216.363	832.736.634
Mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	8.310.850.082	35.877.155.092
Dự án xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	7.263.873.231	7.263.873.231
Dự án xây dựng nhà Văn phòng Chi nhánh Đà Nẵng	3.234.686.485	3.234.686.485
Các dự án khác	395.000.000	4.647.857.104
	43.618.500.559	115.543.233.247
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex		
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Thượng Lý	10.901.608.400	3.697.854.375
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Cửa Lò	6.020.894.200	586.170.000
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Nhà Bè	6.003.374.805	4.261.035.215
Các dự án khác	6.416.535.928	6.081.064.158
	29.342.413.333	14.626.123.748
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex		
Công trình kho Đình Vũ	5.430.757.807	323.130.909
Quyền sở hữu đất tại Khu công nghiệp Đình Vũ	-	49.562.451.450
Các dự án khác	2.247.846.293	1.701.159.764
	7.678.604.100	51.586.742.123
Số dư cuối năm	80.639.517.992	181.756.099.118

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	31/12/2016 % sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Số lượng cổ phiếu	01/01/2016 % sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND (Đã phân loại lại)
<i>Công ty liên kết</i>							
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 810 (*)	Hà Nội	-	-	-	455.796	23,90%	2.864.530.692
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	6.600.000	43,78%	67.080.380.386	6.600.000	43,78%	58.182.980.391
				67.080.380.386			61.047.511.083

(*) Trong năm 2015, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết thanh lý toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 810. Trong năm 2016, Tổng công ty đã hoàn thành việc thanh lý khoản đầu tư này. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm bán được ghi nhận là thu nhập tài chính (Thuyết minh 26).

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND (Đã phân loại lại)
Số dư đầu năm - đã phân loại lại	61.047.511.083	59.269.015.514
Phần lãi trong công ty liên kết	10.546.573.303	1.778.495.569
Thanh lý	(4.513.704.000)	-
Số dư cuối năm	67.080.380.386	61.047.511.083

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đầu tư sàn văn phòng VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh lại)	66.998.940.608	18.048.114.909	7.158.837.458	3.744.238.677	8.928.283.918	104.878.415.570
<i>Số dư đầu năm</i>						
- Theo báo cáo trước đây	66.998.940.608	18.048.114.909	6.912.481.458	3.744.238.677	8.928.283.918	104.632.059.570
- Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 34)	-	-	246.356.000	-	-	246.356.000
Tăng trong năm	-	344.226.707	10.324.425.273	10.029.745.035	7.227.630.001	27.926.027.016
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	49.562.451.450	-	-	-	49.562.451.450
Phân bổ trong năm	(1.389.385.998)	(564.003.591)	(5.821.718.467)	(7.246.033.276)	(4.065.963.255)	(19.087.104.587)
Số dư cuối năm	65.609.554.610	67.390.789.475	11.661.544.264	6.527.950.436	12.089.950.664	163.279.789.449

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các công ty liên quan		
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	332.991.898.465	49.290.263.595
▪ Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex	4.395.898.573	4.281.712.223
▪ Castrol BP PETCO Co., Ltd.	3.867.100.611	2.907.979.607
	<hr/>	<hr/>
	341.254.897.649	56.479.955.425
Các bên thứ ba		
▪ SK Networks Co Ltd	51.522.338.590	-
▪ Petronas Chemical Marketing	49.335.022.109	-
▪ Hin Hin Trading Pte., Ltd.	20.271.230.090	19.307.251.317
▪ Elf Lubrifiant Paris	14.717.936.150	4.240.540.290
▪ Exxon Mobil Asia Ltd.	6.641.827.500	-
▪ Shell Eastern Trading Pte., Ltd.	-	46.777.326.195
▪ Handsome Chemical Development Ltd.	-	29.709.494.349
▪ Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu		
Vật tư giao thông	-	10.364.968.500
▪ Các nhà cung cấp khác	98.141.077.689	162.914.488.295
	<hr/>	<hr/>
	581.884.329.777	329.794.024.371
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	01/01/2016		Số phát sinh trong năm			31/12/2016	
	Phải thu VND	Phải trả VND Đã điều chỉnh lại	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	219.837.904	2.307.626.556	904.950.783.693	(318.585.596.319)	(581.540.745.981)	-	6.912.230.045
Thuế nhập khẩu	-	-	29.411.929.951	(29.523.754.929)	-	111.824.978	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	408.212.524	36.726.310.003	51.829.434.828	(81.799.580.034)	-	3.162.829.859	9.510.782.132
Thuế bảo vệ môi trường	-	2.617.932.240	29.583.539.748	(29.119.872.060)	-	-	3.081.599.928
Thuế thu nhập cá nhân	40.972.809	2.525.817.325	11.073.736.478	(12.534.648.518)	-	-	1.023.932.476
Thuế khác	164.845.000	-	1.551.251.613	(1.551.251.613)	-	164.845.000	-
	833.868.237	44.177.686.124	1.028.400.676.311	(473.114.703.473)	(581.540.745.981)	3.439.499.837	20.528.544.581

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ bán dầu mỡ nhờn lon hộp	4.331.419.668	6.586.784.613
Chi phí phải trả về sửa chữa lớn tài sản cố định	1.775.034.667	1.927.632.698
Chi phí khuyến mại dầu mỡ nhờn phuy thùng	-	717.805.840
Trích trước chi phí vận chuyển	505.898.643	-
Chi phí sửa chữa Kho hóa chất Nhà Bè	4.870.246.243	2.302.068.460
Các khoản trích trước khác	68.470.367	709.273.185
	<hr/>	<hr/>
	11.551.069.588	12.243.564.796
	<hr/>	<hr/>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Phải trả cổ tức	1.259.645.600	3.383.504.650
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.436.939.527	2.918.489.829
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	5.879.691.571	5.766.205.607
	<hr/>	<hr/>
	17.576.276.698	12.068.200.086
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	01/01/2016		Biến động trong năm			31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.510.796.298.264	2.510.796.298.264	3.265.665.976.789	(4.528.643.719.917)	8.077.247.552	1.255.895.802.688	1.255.895.802.688

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	4,3% - 5%	475.002.687.366	803.396.657.809
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	1,30%	64.225.527.618	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	1,50%	-	116.834.346.127
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,5% - 4,9%	55.627.780.064	164.354.484.175
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	1,3%-2,4%	170.775.457.403	203.679.806.544
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	4,6%-5,35%	20.571.189.383	53.775.928.540
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	USD	1,4% - 1,6%	-	57.794.049.020
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	4,8%	93.102.854.790	5.969.036.520
Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	VND	4,2% - 5,5%	75.337.401.234	448.247.263.909
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	USD	1,1% - 1,7%	258.231.909.693	115.942.097.937
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	4,5%-4,7%	-	101.744.277.394
Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	5%-5,25%	7.253.085.276	439.058.350.289
Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	USD	1,93%	35.767.909.861	-
			1.255.895.802.688	2.510.796.298.264

(*) Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty và các công ty con. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng đến 6 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay dài hạn

	01/01/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	27.750.000.000	27.750.000.000	13.674.088.867	-	41.424.088.867	41.424.088.867

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Khoản vay 1	VND	8,5%	2025	27.750.000.000	27.750.000.000
Khoản vay 2	VND	8,5%	2026	10.400.000.000	-
Khoản vay 3	VND	8,6%	2026	1.558.356.945	-
Khoản vay 4	VND	8,5%	2026	1.715.731.922	-
				41.424.088.867	27.750.000.000

(*) Vay dài hạn là khoản vay của Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (công ty con), có thời hạn 10 năm (ân hạn gốc 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên) để thực hiện dự án Kho dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản được hình thành trong tương lai bao gồm: Giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 49.907 triệu VND (01/01/2016: 49.562 triệu VND) và toàn bộ cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị của Kho dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ. Theo thỏa thuận giữa Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2016 của khoản vay 1 và khoản vay 2 được chuyển thành các khoản vay dài hạn mới (khoản vay 3 và khoản vay 4).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	(2.729.592.945)	(8.740.492.087)
Trích lập trong năm	17.006.730.962	15.529.288.829
Sử dụng trong năm	(11.155.762.018)	(9.518.389.687)
Số dư cuối năm	<u>3.121.375.999</u>	<u>(2.729.592.945)</u>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 01/01/2015	702.608.370.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	297.782.197.864	20.463.604.691	76.662.849.623	1.101.531.542.178
Cổ phiếu thưởng	105.380.020.000	-	-	-	(105.380.020.000)	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm (đã điều chỉnh lại)	-	-	-	-	-	-	341.006.241.514	341.006.241.514
<i>Lợi nhuận thuần trong năm – như đã báo cáo trước đây</i>	-	-	-	-	-	-	328.610.019.493	328.610.019.493
<i>Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 34)</i>	-	-	-	-	-	-	12.396.222.021	12.396.222.021
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	40.541.516.040	-	(40.541.516.040)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(15.529.288.829)	(15.529.288.829)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	-	-	(21.077.869.200)	(21.077.869.200)
Tạm ứng cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	-	(242.392.698.000)	(242.392.698.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	8.868	8.868
Số dư ngày 01/01/2016 (đã điều chỉnh lại)	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	232.943.693.904	20.463.604.691	98.127.727.936	1.163.537.936.531
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	204.823.503.334	204.823.503.334
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(17.006.730.962)	(17.006.730.962)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	69.210.589.531	-	(69.210.589.531)	-
Biến động khác	-	-	-	-	(3.168.901.421)	-	3.168.892.156	(9.265)
Số dư ngày 31/12/2016	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	298.985.382.014	20.463.604.691	219.902.802.933	1.351.354.699.638

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

Cổ đông	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100%	807.988.390.000	100%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	37.061.448.006	63.703.050.629

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		01/01/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	327.884	7.443.668.553	3.466.703	77.827.482.350
Euro ("EUR")	478	12.198.088	489	12.082.359
		<u>7.455.866.641</u>		<u>77.839.564.709</u>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Đã được duyệt	152.567.000.000	469.221.598.091

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu bán hàng của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Bán dầu mỡ nhờn	1.607.233.915.270	1.872.231.694.935
Bán nhựa đường	1.337.617.552.028	3.636.902.833.679
Bán hóa chất, dung môi	1.828.374.023.122	1.379.679.360.786
Bán hàng hóa khác	17.295.609.957	5.330.297.158
Thu nhập từ kinh doanh chênh lệch giá hóa chất	14.208.240.000	21.877.040.000
	<hr/> 4.804.729.340.377	<hr/> 6.916.021.226.558

25. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Giá vốn dầu mỡ nhờn	1.131.999.249.055	1.372.640.745.914
Giá vốn nhựa đường	1.151.437.218.745	2.957.357.490.692
Giá vốn hóa chất, dung môi	1.718.798.795.506	1.307.291.542.824
Giá vốn hàng hóa khác	16.168.315.654	1.647.199.740
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(15.625.997.238)	(1.924.129.815)
	<hr/> 4.002.777.581.722	<hr/> 5.637.012.849.355

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	18.913.546.530	27.671.516.460
Lợi nhuận được chia	531.024.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.277.907.488	10.783.894.451
Lãi hàng bán trả chậm	2.729.321.395	2.928.047.310
	<hr/> 30.451.799.413	<hr/> 41.383.458.221

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí tài chính**

	2016 VND	2015 VND Đã phân loại lại
Chi phí lãi vay	50.240.922.679	50.298.254.668
Chiết khấu thanh toán	1.195.812.000	1.179.848.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.038.764.942	107.655.767.178
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.093.129.891	1.231.871.115
Chi phí tài chính khác	781.529.166	23.939.900
	<hr/> 77.350.158.678	<hr/> 160.389.680.861 <hr/>

28. Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên	72.924.458.897	83.215.607.176
Chi phí vận chuyển	91.936.379.438	167.215.182.140
Chi phí hỗ trợ bán hàng	25.760.340.642	50.905.773.781
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	82.398.969.817	88.692.708.266
Chi phí sửa chữa	7.356.364.163	6.953.000.454
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.780.790.908	46.682.350.579
Chi phí bán hàng khác	108.097.973.540	132.290.884.815
	<hr/> 409.255.277.405	<hr/> 575.955.507.211 <hr/>

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên	45.807.657.032	50.725.278.672
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.397.539.794	4.001.138.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.458.639.872	32.420.193.009
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	38.322.195.907	59.479.761.705
	<hr/> 106.986.032.605	<hr/> 146.626.372.108 <hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nguyên vật liệu	1.107.411.206.672	1.200.299.032.237
Chi phí nhân viên	142.746.470.552	151.031.513.901
Chi phí khấu hao và phân bổ	102.259.726.074	79.152.127.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.159.638.261	218.945.181.454
Chi phí khác	234.815.019.979	301.336.849.991

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	256.652.938.162	443.928.421.120
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	51.330.587.632	97.664.252.646
Chi phí không được khấu trừ thuế	690.089.582	5.257.926.960
Trích bổ sung chi phí thuế TNDN năm trước	131.038.491	-
Thu nhập không bị tính thuế	(322.280.877)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51.829.434.828	102.922.179.606

(b) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (2015: 22%).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 204.823.503.334 VND (năm 2015 - đã điều chỉnh lại: 341.006.241.514 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông là 80.797.566 cổ phiếu (năm 2015: 80.797.566 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Nếu Tổng công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Các công ty liên quan		
<i>Petrolimex Singapore Pte Ltd.</i>		
▪ Mua hàng hóa	677.604.594.889	1.604.663.786.166
Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex		
▪ Bán hàng hóa	1.220.228.110.603	1.226.537.053.423
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	104.773.635.749	114.694.929.234
Công ty TNHH Castrol BP PETCO		
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	42.389.159.624	114.399.617.410-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex		
▪ Các khoản vay ngắn hạn	221.880.509.234	898.633.892.877
▪ Trả nợ vay	584.390.371.909	422.636.628.968
▪ Lãi vay	10.784.703.612	137.362.512
Thành viên Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty		
▪ Tiền lương và thưởng	4.246.117.000	4.291.188.500

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Số liệu so sánh**

Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại, như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	01/01/2016 (phân loại lại) VND	01/01/2016 (theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư vào công ty liên kết	61.047.511.083	70.557.956.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(9.510.444.917)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015 (phân loại lại) VND	2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Chi phí tài chính	160.389.680.861	158.611.185.292
Phần lãi trong công ty liên kết	1.778.495.569	-

35. Số liệu so sánh - điều chỉnh lại

Báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Kiểm toán Nhà nước thể hiện kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 của Tổng công ty, trong đó nêu một số khác biệt so với số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập của Tổng công ty. Tổng công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại, như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	01/01/2016 (điều chỉnh lại) VND	01/01/2016 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu ngắn hạn khác	17.857.648.373	15.770.945.598
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(201.883.388.127)	(203.143.064.616)
Hàng tồn kho	941.349.379.326	940.545.345.279
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(15.625.997.238)	(17.550.127.053)
Tài sản cố định hữu hình	436.585.446.658	429.221.763.287
Xây dựng cơ bản dở dang	181.756.099.118	175.210.359.620
Chi phí trả trước dài hạn	104.878.415.570	104.632.059.570
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	44.177.686.124	36.153.586.150
Phải trả ngắn hạn khác	12.068.200.086	12.258.200.086
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	98.127.727.936	85.731.505.915

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015 (điều chỉnh lại) VND	2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Giá vốn hàng bán	5.637.012.849.355	5.640.695.090.126
Chi phí bán hàng	575.955.507.211	590.771.228.293
Chi phí quản lý doanh nghiệp	146.626.372.108	148.358.732.250
Thu nhập khác	12.802.221.704	12.629.494.431
Chi phí khác	8.072.571.396	7.972.986.369
Chi phí thuế TNDN hiện hành	102.922.179.606	95.014.937.387
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.221	4.067

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	2015 (điều chỉnh lại) VND	2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(285.601.658.294)	(299.511.081.163)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(204.375.798.979)	(190.466.376.110)

Ngày 23 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc